

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/ST- DS

Ngày 28- 9 - 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH SƠN LA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Luân và bà Lữ Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Loan - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2020/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 17/9/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953. Địa chỉ: Bản Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Chị Quàng Thị P, sinh năm 1983, Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La “vắng mặt”. ,

Anh Hà Văn X, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Hà Văn X là chị Quàng Thị P, Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La, theo giấy ủy quyền ngày 12 tháng 8 năm 2021 “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2020 và ở các bản khai tiếp theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 20/5/2020 gia đình anh Hà Văn X và chị Quàng Thị P có vay của ông số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), trả lãi đến ngày 20/10/2020. sau đó ngày 23/10/2020 chị Quàng Thị P tiếp tục vay thêm 370.000.000

đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, hẹn ngày 23/11/2020 sẽ trả đủ hai khoản tiền trên. Khi đến hạn chị P và anh X không trả theo thỏa thuận, ông đã đòi nhiều lần nhưng chị P, ông X không trả cho đến nay. Vậy ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc chị P, anh X phải có trách nhiệm trả tổng số tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận tính đến ngày 28/9/2021 là 607.250.000 đồng (Sáu trăm không bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn chị Quàng Thị P trình bày và đề nghị:

Vào ngày 20 tháng 5 năm 2020 chị P có lên nhà ông Tảo vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) để đáo nợ Ngân hàng. Lãi suất 10%/tháng, mỗi tháng chị phải trả lãi 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng). Trong giấy vay nợ không ghi cụ thể mà để trống, chỉ thỏa thuận với nhau bên ngoài, cứ ngày 20 hàng tháng chị phải trả lãi đầy đủ và mỗi lần đến trả lãi ông T ghi vào sổ riêng. Đến ngày 20/6/2020 chị chưa có khả năng trả, ông T đã đe dọa tố cáo chị lên Cơ quan và sẽ tăng lãi suất cao lên, nên chị đã nhờ chồng Hà Văn X lên đứng ký người làm chứng. Số tiền lãi chị đã trả đến tháng 11 năm 2020.

Đầu tháng 7 năm 2020, chị lại cần tiền và lên chỗ ông T vay tiền nữa nhưng ông T nói là không có nên chị đã hỏi vay bà X (Vợ ông T) 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), vay lãi ngày mỗi ngày 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Sau đó 45 ngày chị lên chốt sổ với bà X số tiền lên đến 55.000.000 đồng (Năm mươi năm triệu đồng). Bà X yêu cầu phải trả ngay cho bà X nên bảo chị vay tiền chỗ ông T trả cho bà X. Ông T cho chị vay khoản tiền đó để chị trả cho bà X 55.000.000 đồng (Năm mươi năm triệu đồng)

Ngày 26/8/2020, chị vay thêm ông T 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), tính lãi ngày, mỗi ngày 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), khi chốt sổ với ông T lên đến 65.000.000 đồng (Sáu mươi năm triệu đồng).

Ngày 28/8/2020 chị lại lên vay ông T 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), chị chưa có trả ông T yêu cầu chị lên chốt sổ, với số tiền là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Ngày 01/9/2020 chị P lại lên ông T vay tiếp 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), vay lãi ngày mỗi ngày 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), đến ngày chốt sổ cả gốc và lãi 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Với số tiền mà chị vay chưa có trả nên ông T đe dọa đủ kiểu nên chị đã dồn được 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) trả cho ông T vào tháng 10 năm 2020.

Đến tháng 11 năm 2020 chị P chưa có khả năng trả nên ông T dọa sẽ báo Cơ quan chị và anh X nên chị đã ký vào giấy nợ do ông T viết sẵn, thực tế là chị không biết rõ là chị còn nợ ông T bao nhiêu tiền. Tại phiên hòa giải chị xác nhận chị không có chứng cứ để chứng minh điều mà chị trình bày trên đây, nên chị P chấp nhận số nợ chung của vợ chồng chị là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc; Số nợ mà chị vay rất nhiều lần như chị đã trình bày trên chốt lại ngày 23/10/2020 là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Số tiền này chị sẽ trả 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) chậm nhất vào ngày

30/12/2021; số còn lại sẽ trả mỗi tháng 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) cho đến khi trả hết nợ, đề nghị Tòa xem xét.

Bị đơn anh Hà Văn X trình bày trong bản khai như sau:

Vào 20/6/2020 ông Nguyễn Văn T có vào nhà anh và đề nghị anh lên nhà ông T ở bản Đ, xã C để nói chuyện về khoản vay nợ của vợ anh (Quàng Thị P) vay ông T từ trước. Vì thương vợ nên anh đã lên nhà ông T ký nhận khoản vay nợ của vợ anh vay ông T 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Nếu vợ anh không trả được nợ thì anh phải trả thay và lãi xuất do vợ anh (Chị P) đã thỏa thuận với ông T trước đây. Đến tháng 10 năm 2020 vợ anh không có khả năng trả nên ông T đến gặp anh và đề nghị mỗi tháng vợ chồng anh phải trả tiền lãi cho ông T 15.000.000đồng (Mười năm triệu đồng), với lãi xuất như vậy anh đề nghị Tòa án xem xét mức lãi xuất có đúng pháp luật hay không, để bảo vệ quyền lợi cho anh và chị P.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

*.Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết xét xử vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ cũng như kết quả tranh luận tại phiên tòa của những người tham gia tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do vậy cần chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện.

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử về khoản nợ thứ nhất: Buộc bị đơn bà Quàng Thị P, ông Hà Văn X phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 21/10/2020 cho đến ngày 28/9/2021 là 25.275.000đồng (Hai mươi năm triệu hai trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

Về khoản nợ thứ hai: Là nợ riêng của bà P, cần buộc bà Quàng Thị P phải trả cho ông T số tiền nợ gốc 370.000.000đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi 1,5%/tháng từ ngày 23 /10/2020 cho đến ngày 28/9/2021 là 61.975.000đồng (Sáu mươi một triệu chín trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 cần buộc bị đơn Quàng Thị P và Hà Văn X phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.

Đề nghị xét miễn án phí sơ thẩm dân sự cho ông Nguyễn Văn T vì ông T là người cao tuổi, diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án xác nhận, chị Quàng Thị P, anh Hà Văn X vay ông Nguyễn Văn T tổng cộng tiền gốc là 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Khi đến hạn trả, chị P, anh X không trả, nay ông T có đơn khởi kiện. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

[2] Về thẩm quyền: Đồng bị đơn anh Hà Văn X, chị Quàng Thị P có địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La, nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đồng bị đơn anh Hà Văn X do điều kiện công tác không trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án được nên đã ủy quyền cho chị Quàng Thị P (Vợ anh X) theo giấy ủy quyền ngày 12/8/2021 thay mặt anh X tham gia tố tụng, sự ủy quyền trên là phù hợp với pháp luật, cần chấp nhận. Hai nữa đến ngày mở phiên tòa bị đơn bà Quàng Thị P và ông Hà Văn X không thể có mặt tại phiên tòa được và có đơn đề nghị xử vắng mặt. Tòa án đã xét xử vắng mặt đương sự, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu buộc anh Hà Văn X, chị Quàng Thị P phải có trách nhiệm trả số tiền gốc 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất từ thời điểm vay, theo giấy biên nhận vay tiền mặt thể hiện ngày 23/10/2020. Các bị đơn chị Quàng Thị P, anh Hà Văn X không thừa nhận khoản nợ 370.000.000đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) tiền gốc là nợ chung của vợ chồng, đó là khoản nợ riêng của chị P, chỉ có khoản nợ 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)

là chị P, anh X chịu trách nhiệm chung, chị P, anh X đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Vấn đề mà các đương sự nêu trên Hội đồng xét xử thấy là: Khoản tiền vay 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), là khoản tiền vay chung của hai vợ, chồng chị P, anh X bởi lẽ khoản vay này anh X, chị P xác nhận cùng biết với nhau, hơn nữa tại giấy biên nhận vay tiền ngày 20/5/2020 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn T, chị Quảng Thị P, anh Hà Văn X. Như vậy hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn T và chị Quảng Thị P, anh Hà Văn X là có thực tế và có hiệu lực thi hành. Chị P, anh X phải có nghĩa vụ thực hiện theo thỏa thuận đã cam kết. Hai bên đã thỏa thuận trả lãi cho nhau đến ngày 20 tháng 10 năm 2020. Sau đó không thực hiện đúng nghĩa vụ cho đến nay, tại Tòa án ông Nguyễn Văn T đề nghị buộc chị P, anh X phải có trách nhiệm trả số nợ gốc và lãi xuất 1,5%/tháng từ 23/10/2020 đến nay là có căn cứ phù hợp với pháp luật, cần chấp nhận. Sự thỏa thuận về lãi suất giữa ông T và anh Hà Văn X, chị Quảng Thị P phù hợp với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đã quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên thỏa thuận về lãi suất thì lãi xuất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*”. Điều luật này đã quy định lãi suất do các bên thỏa thuận, nhưng không được vượt quá 20%/năm (Nghĩa là không được vượt quá 1,66% /tháng). Lãi suất do hai bên thỏa thuận 1,5%/tháng chưa đến mức giới hạn 1,66% /tháng theo luật định. Như vậy có căn cứ buộc chị Quảng Thị P, anh Hà Văn X phải trả số tiền gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi do hai bên thỏa thuận 1,5%/tháng trên số tiền gốc đó kể từ ngày 21/10/2020 cho đến ngày 28/9/2021 là 11 tháng 07 ngày, cụ thể tiền lãi được tính như sau:

$$(150.000.000\text{đồng} \times 1,5 : 100) \times 11 \text{ tháng} + (150.000.000\text{đ} \times 0,05 : 100) \times 07 \text{ ngày} = 25.275.000\text{đồng}.$$

Tổng cộng cả gốc và lãi: $150.000.000\text{đồng} + 25.275.000\text{đồng} = 175.275.000\text{đ}$

Số tiền này chị Quảng Thị P và anh Hà Văn X phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T.

Về khoản nợ 370.000.000đồng (Ba trăm bảy mươi triệu), tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T cho là khoản nợ chung của vợ chồng P, X và đề nghị hai vợ chồng phải có nghĩa vụ trả nợ chung cho ông. Xét thấy khoản nợ trên do chị P vay làm nhiều lần, mỗi lần vay tiền chỉ có một mình chị P ký nhận tiền, sổ chót nợ ngày 23/10/2020 cũng chỉ có một mình chị P ký nhận nợ. Tại bản khai của anh X cũng như tại phiên hòa giải và tại phiên tòa chị P xác định chị vay dùng vào việc riêng, anh X không hề biết. Như vậy hợp đồng vay tài sản (Vay tiền) có hiệu lực với người cho vay là ông Nguyễn Văn T và chị Quảng Thị P, nên chị P phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi xuất 1,5%/tháng theo giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 23/10/2020 cho đến nay, chị P không thực hiện là vi phạm hợp đồng. Việc ông Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc và lãi xuất như trên là có căn cứ phù hợp với Điều 463, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên khoản nợ trên do chị Quảng Thị P có nghĩa vụ

trả như đã phân tích, nhận định trên đây. Số tiền lãi từ ngày 23/10/2020 cho đến ngày xét xử là 11 tháng 05 ngày: $(370.000.000đ \times 1,5 : 100) \times 11\text{tháng} + (370.000.000đ \times 0,05 : 100) \times 05\text{ngày}$ = 61.975.000đồng.

Cộng cả gốc và lãi 370.000.000đồng + 61.975.000đồng = 431.975.000đồng (Bốn trăm ba mươi một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Về hình thức trả nợ chị Quàng Thị P đề nghị được trả dần số nợ cho ông Tào vào ngày 30 /12/2021 sẽ trả 150.000.000 đồng, số còn lại còn sẽ trả bắt đầu từ tháng 01 năm 2022 mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ là không có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị trên.

[4] Về án phí dân sự: Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn T được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm dân sự, Chị Quàng Thị P, anh Hà Văn X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T:

- Buộc chị Quàng Thị P, anh Hà Văn X phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T khoản nợ tiền gốc 150.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 28/9/2021 là 25.275.000đồng. Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi là 175.275.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Buộc chị Quàng Thị P phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền gốc 370.000.000đồng và số tiền lãi tính đến ngày 28/9/2021 là 61.975.000đồng. Tổng cả tiền gốc và lãi là 431.975.000đồng (Bốn trăm ba mươi một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”.

2. Về án phí: Chị Quàng Thị P phải nộp án phí sơ thẩm dân sự 24.784.500đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng). Anh Hà Văn X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.381.875đồng (Bốn triệu ba trăm tám mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Tảo được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/9/2021). Chị Quàng Thị P, anh Hà Văn X được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát tỉnh Sơn La
- Viện kiểm sát huyện Y;
- Chi cục THA huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Hoàng Văn Bình